

Bản án số: 246/2022/HS-PT
Ngày 28-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quân Vương;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch;

Ông Lê Sỹ Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Tấn Lập - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14, 21 và 28 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 163/2022/TLPT-HS ngày 13 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo Trần Hùng Đ, Nguyễn Minh T, Lê Văn N, Đặng Văn T, Nguyễn Văn H, Lâm Bá Khánh T, Nguyễn Văn Á, Đoàn Văn T, Đoàn Công D, Lâm Thanh S, Trần Văn T, Lê Văn T, Đoàn Văn Th, Huỳnh Văn Ch, Bò Văn Q, Nguyễn Ngọc D, Bùi Xuân L, Nguyễn Thế P và Trang Thế D. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2021/HS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương và Kháng nghị số 03/QĐ-VKSPG ngày 13/4/2022 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú G, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Hùng Đ, sinh ngày 21/5/1988 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: 11, tổ 9, ấp 6, xã Tân H, huyện Phú G, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hùng Q, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1962; bị cáo có vợ tên Lý Hảo H, sinh năm 1996 (đã ly hôn) và có 01 con tên Trần Tiến Đ, sinh ngày 17/7/2018; tiền án: không; tiền sự: không.

Nhân thân:

1.1. Ngày 29/12/2008, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương xử phạt 24 tháng tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2008/HS-ST về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/9/2010

theo Giấy chứng nhận phạm nhân chấp hành xong hình phạt tù số 1358/GCN-CHXHPT của Trại giam An Phước thuộc Tổng cục VIII Bộ Công an. Bị cáo đã chấp hành xong án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và trách nhiệm dân sự vào tháng 02/2009 theo Biên bản xác minh ngày 02/12/2020.

1.2. Ngày 19/6/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Phú G, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2013/HS-ST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù theo Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 225/GCN ngày 26/7/2015 của Trại giam Đắc P’Lao thuộc Tổng cục VIII của Bộ Công an. Bị cáo đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm theo Biên bản xác minh ngày 25/9/2019.

1.3. Ngày 21/4/2007, bị cáo bị Công an xã Tân Hiệp, huyện P xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng số tiền 500.000 đồng theo Quyết định số 16/QĐ-XPHC ngày 24/5/2007.

1.4. Ngày 01/12/2007, bị cáo có hành vi đánh nhau gây rối trật tự công cộng bị đưa đi giáo dục tại xã với thời hạn 06 tháng (từ ngày 17/01/2008 đến ngày 17/7/2008) theo Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 17/01/2008 của Ủy ban nhân dân xã T về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã.

1.5. Ngày 05/02/2008 bị cáo có hành vi cố ý gây thương tích; ngày 25/9/2008 bị cáo bị Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ra Quyết định số 2954/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục đối với Trần Hùng Đ trong thời hạn 18 tháng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam lần 1 từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 28 tháng 4 năm 2020; bị cáo bị bắt tạm giam lần 2 từ ngày 04 tháng 01 năm 2021 đến ngày 20 tháng 01 năm 2021 được tại ngoại; có mặt.

2. Lê Văn N (tên gọi khác: Nhân), sinh ngày 01/01/1982 tại thành phố Cần Thơ; thường trú: ấp 3, xã Tân H, huyện Ptỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; bị cáo có vợ tên Thái Thị Hồng N (đã ly hôn) và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2008.

Tiền án: căn cứ Bản án hình sự sơ thẩm số 241/2003/HS-ST ngày 27/10/2003 của Tòa án nhân dân thành phố C và Bản án hình sự phúc thẩm số 277/2004/HS-PT ngày 23/02/2004 của Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 03 năm tù về tội “Giao cấu với trẻ em”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào năm 2005. Căn cứ Công văn số 35/CTHADS-VP ngày 11/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ xác định bị cáo Lê Văn N chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm. Căn cứ Quyết định thi hành án chủ động số 278/QĐ-CTHADS ngày 27/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ cho thi hành án đối với ông Lê Văn N. Căn cứ Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0005153, ký hiệu AA-16P ngày 02/02/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố C xác định Lê Văn Nhanh đã nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 241/HS-ST ngày 27/10/2003 của Tòa án nhân dân thành phố C và 50.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm đối với Bản án hình sự phúc thẩm số 277/2004/HS-PT ngày 23/02/2004 của Tòa án nhân dân tối cao.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam lần 1 từ ngày 24 tháng 3 năm 2019 đến ngày 03 tháng 9 năm 2019; bị cáo bị bắt tạm giam lần 2 từ ngày 03 tháng 01 năm 2021 đến ngày 22 tháng 01 năm 2021 được tại ngoại; có mặt.

3. Bò Văn Q, sinh ngày 13/4/1994 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: số 290, đường ĐH 508, tổ 3, ấp Tân Tiên, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bò Văn C, sinh năm 1965 và bà Trương Thị S, sinh năm 1968; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 27 tháng 11 năm 2019 được tại ngoại; có mặt.

4. Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 23/8/1992 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: số 1211, đường P, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1966 và bà Trần Thị L, sinh năm 1967; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1992 và có 02 người con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam lần 1 từ ngày 26 tháng 3 năm 2019 đến ngày 04 tháng 4 năm 2019; bị cáo bị bắt tạm giam lần 2 từ ngày 06 tháng 11 năm 2019 đến ngày 28 tháng 4 năm 2020; bị cáo bị bắt tạm giam lần 3 từ ngày 03 tháng 01 năm 2021 đến ngày 20 tháng 01 năm 2021 được tại ngoại; có mặt.

5. Nguyễn Minh T, sinh ngày 21/01/1970 tại tỉnh Lâm Đồng; thường trú: số 10A/71, khu phố 11, phường Hồ N, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ngọc (đã chết) và bà Nguyễn Thị B (đã chết); bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1973 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án: không; tiền sự: không;

Nhân thân: ngày 07/01/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai xử phạt 20 tháng 15 ngày tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2011/HS-ST ngày 07/01/2011 về tội “Đánh bạc”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù năm 2011 (đã xóa án tích); bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam lần 1 từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 30 tháng 3 năm 2019; bị cáo bị bắt tạm giam lần 2 từ ngày 04 tháng 01 năm 2021 đến ngày 22 tháng 01 năm 2021 được tại ngoại; có mặt.

6. Lâm Bá Khánh T, sinh ngày 30/01/1983 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: ấp 2, xã Tân H, huyện Phú G, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không;

quốc tịch: Việt Nam; con ông L, sinh năm 1954 (đã chết) và bà Trần Thị Thu V, sinh năm 1960; bị cáo có vợ tên Lê Thị H, sinh năm 1991 và có 02 con tên Lâm Thiên H, sinh năm 2018 và Lâm Thiên P, sinh ngày 13/9/2020; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 18/4/2017, bị Công an huyện Phú G, tỉnh Bình Dương xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc” với số tiền 1.500.000 đồng. Ngày 11/5/2017, bị cáo Trình đã chấp hành đóng tiền phạt, có mặt.

7. Lê Văn Tuấn, sinh ngày 09/3/1980 tại thành phố C; thường trú: ấp Thới Thanh A, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ; tạm trú: tổ 1, khu phố 9, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1939; bị cáo có vợ là bà Phạm Thị H, sinh năm 1988 và có 02 người con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 18/4/2017, bị Công an phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử phạt hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” với số tiền 750.000 đồng. Ngày 19/4/2017, bị cáo T đã chấp hành đóng tiền phạt, có mặt.

8. Trang Thế D, sinh ngày 01/01/1980 tại tỉnh Bạc Liêu; thường trú: ấp Nội Ô, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú: ấp Kinh Nhượng, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trang Thuận H (đã chết) và bà Ngô Thị Đ (đã chết); bị cáo có vợ là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981 và có 02 người con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2009; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: căn cứ Bản án hình sự phúc thẩm số 161/2021/HS-PT ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt bị cáo Trang Thế Duy 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam lần 1 từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 23 tháng 3 năm 2019; bị cáo bị bắt tạm giam lần 2 từ ngày 03 tháng 01 năm 2021 đến ngày 19 tháng 01 năm 2021 được tại ngoại; có mặt.

9. Nguyễn Văn H, sinh ngày 26/6/1985 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: số 240, đường ĐH 507, ấp 9, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967; bị cáo có vợ là bà Vũ Thị H, sinh năm 1986 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 30 tháng 3 năm 2019 được tại ngoại; có mặt.

10. Bùi Xuân L (tên gọi khác là D), sinh ngày 16/9/1998 tại tỉnh Bình Phước; thường trú: tổ 3, ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: sửa xe; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân L (đã chết) và bà Dương Thị T,

sinh năm 1965; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 03 tháng 01 năm 2021 đến ngày 19 tháng 01 năm 2021 được tại ngoại; có mặt.

11. Nguyễn Văn Á (tên gọi khác P, T), sinh ngày 15/10/1979 tại tỉnh Bến Tre; thường trú: ấp 6, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1961 và bà Cao Thị N, sinh năm 1946; bị cáo có vợ là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2004; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam lần 1 từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 30 tháng 3 năm 2019; bị cáo bị bắt tạm giam lần 2 từ ngày 04 tháng 01 năm 2021 đến ngày 18 tháng 01 năm 2021 được tại ngoại; có mặt.

12. Đoàn Văn T, sinh ngày 01/01/1966 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: số nhà 110, đường ĐH 506, tổ 1, ấp Tân T, xã Phước S, huyện Phú G, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn Tinh (đã chết) và bà Nguyễn Thị R (đã chết); bị cáo có vợ tên Đoàn Thị L, sinh năm 1967 và có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

13. Đoàn Công Danh, sinh ngày 12/12/1995 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: số nhà 110, đường ĐH 506, tổ 1, ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn Thiệt, sinh năm 1966 và bà Đoàn Thị L, sinh năm 1967; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

14. Lâm Thanh S, sinh ngày 25/12/1989 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: số nhà 324/47, tổ 4, khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn T, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1957; bị cáo có vợ là bà Nguyễn Thị Út H, sinh năm 1989 và có 01 con, sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 06 tháng 01 năm 2021 đến ngày 18 tháng 01 năm 2021 được tại ngoại; có mặt.

15. Trần Văn T, sinh ngày 01/01/1989 tại tỉnh Đồng Tháp; thường trú: ấp B, xã B, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: tổ 62, đường Lê Hồng Phong, khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; bị cáo có vợ là bà Lô Thùy P, sinh năm 1989 và có 02 người con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 06 tháng 01 năm 2021 đến ngày 18 tháng 01 năm 2021 được tại ngoại; có mặt.

16. Nguyễn Thê P, sinh ngày 06/6/1991 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: số nhà 447/17, đường Tân Hiệp số 14, tổ 4, ấp 2, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: cạo mủ cao su; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1965; bị cáo có vợ là bà Trần Yến N, sinh năm 1998 (đã ly hôn); tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 30 tháng 3 năm 2019 được tại ngoại; có mặt.

17. Đoàn Văn T (tên gọi khác là Hồng đĩ), sinh ngày 06/6/1970 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: số nhà 22/7, đường Lê Hồng P, tổ 1, khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn T, sinh năm 1934 (đã chết) và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1936; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

18. Huỳnh Văn C, sinh ngày 09/3/1970 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: số nhà 135/25, khu 12, phường Ch, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1925 và bà Võ Thị H, sinh năm 1935; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 25 tháng 3 năm 2019; bị cáo tại ngoại; có mặt.

19. Đặng Văn T, sinh ngày 01/01/1964 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: ấp 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn C (đã chết) và bà Võ Thị V (đã chết); bị cáo có vợ là bà Trương Thị L, sinh năm 1972 (không đăng ký kết hôn) và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 30 tháng 3 năm 2019 được tại ngoại; có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thê P và Bò Văn Q: ông Nguyễn Văn N là Luật sư Văn phòng luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

Trong vụ án còn có 06 bị cáo và 33 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 21/3/2019, Trần Hùng Đ, Lê Văn N và Đỗ Minh T đã tổ chức cho những người chơi đánh bạc bằng hình thức đá gà và lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền tại lô cao su thuộc ấp 3, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bình

Dương phối hợp với Công an huyện P bắt quả tang 38 đối tượng đang có hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc bằng hình thức đá gà và lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền gồm:

Trần Hùng Đ, Phạm Bá Đ, Bò Văn Q, Đỗ Minh Th, Hoàng Xuân Tr, Nguyễn Minh T, Lâm Bá Khánh T, Nguyễn Văn Á, Nguyễn Văn H, Bùi Xuân L, Nguyễn Thế P, Đặng Văn T, Đoàn Công D, Trần Văn T, Lê Văn H, Trang Thế D, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Minh V, Huỳnh Văn A, Huỳnh Văn Ch, Vũ Hoàng Ph, Mai Phi L, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đức V, Hoàng Châu H, Nguyễn Thành H, Nguyễn Thành T, Lê Minh T, Đinh Văn N, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh T, Trần Huy T, Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Văn N, Võ Ngọc M, Nguyễn Huy L, Nguyễn Văn T, Đỗ Chí Th.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Tại sòng tài xỉu thu giữ số tiền: số tiền 72.390.000 đồng (bảy mươi hai triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng) trên chiếu bạc, kiểm tra trên người các đối tượng tạm giữ số tiền 9.300.000 đồng (chín triệu ba trăm nghìn đồng);
- Tại sòng đá gà, kiểm tra trên người các đối tượng tạm giữ số tiền 51.835.000 đồng (năm mươi một triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng);
- 01 (một) tấm nhựa có đề chữ “TÀI”, “XỈU”, 02 (hai) chén sành, 02 (hai) nắp nhựa, 05 (năm) hột xí ngầu, 01 (một) tấm bạt màu xanh-cam, 01 (một) cái cân, 02 (hai) con gà (đã chết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo đã tiêu hủy), 01 (một) cặp cựa gà bằng kim loại, 10 (mười) cuộn băng keo chưa qua sử dụng, 08 (tám) cuộn băng keo đã qua sử dụng.

Riêng Lê Văn Nh, Nguyễn Ngọc D, Lê Văn T, Lâm Thanh S, Đoàn Văn Th, Nguyễn Minh L, Đoàn Văn Th (Hồng đĩ) bỏ chạy thoát. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo mời Lê Văn N, Nguyễn Ngọc D, Lê Văn T, Lâm Thanh S, Đoàn Văn Th, Nguyễn Minh L, Đoàn Văn T làm việc đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Ngoài ra, còn nhiều đối tượng tham gia đánh bạc khác (chưa xác định được nhân thân) bỏ chạy thoát.

Quá trình điều tra xác định:

* Hành vi tổ chức đánh bạc của các bị cáo Trần Hùng Đ, Lê Văn N, Đỗ Minh T, Phạm Bá Đ, Bò Văn Q và Hoàng Xuân T được thể hiện như sau:

Ngày 01 tháng 3 năm 2019 đến ngày 21 tháng 3 năm 2019, Trần Hùng Đ, Hoàng Xuân T tổ chức cho các đối tượng chơi đá gà và lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền tại các khu vực lô cao su của người dân thuộc xã A và xã Tân Hiệp, huyện P, tỉnh Bình Dương để thu tiền xâu. Trong quá trình Đ tổ chức đánh bạc thì có Lê Văn Nhanh và Đỗ Minh T cũng vào tham gia tổ chức cùng với Đ. Quá trình tổ chức phân công nhiệm vụ như sau: Trần Hùng Đ chịu trách nhiệm quản lý chung, thu tiền xâu của người làm cái lắc tài xỉu, cứ mỗi giờ lắc tài xỉu thì Đ thu 1.000.000 đồng, N làm trọng tài chính trong việc tổ chức đá gà và thu tiền xâu của những người tham gia đá xỏ, nếu đá số tiền là: 1.000.000 đồng cá cược sẽ

thu tiền xâu là 50.000 đồng của người thắng; T phụ trách cân gà và phụ giúp Nhanh thu tiền xâu của những người tham gia cá cược đá gà. Sau khi thu tiền xâu của tất cả, N và T sẽ đưa cho Đ. Sau khi trừ các chi phí thuê mướn người, mua các vật dụng phục vụ đá gà, lặt tài xỉu như dây, bạt, băng keo, nước..., số tiền còn lại chia đều cho Đ, N, T. Đoàn thuê Hoàng Xuân T phụ giúp chuẩn bị địa điểm, công cụ phục vụ cho các con bạc tham gia chơi đá gà và lặt tài xỉu, mỗi ngày Đoàn trả cho T số tiền 500.000 đồng. Trong thời gian tổ chức chơi đánh bạc do số lượng người chơi gia tăng nên Đoàn đã thuê thêm Phạm Bá Đại và các đối tượng Hoàng, N, T (chưa xác định được họ tên và địa chỉ cụ thể của H, N và T) phụ giúp canh đường, chở và dẫn đường các con bạc vào điểm đánh bạc. Mỗi ngày Đ, H, N, T được trả tiền công dao động từ 150.000 đồng đến 500.000 đồng. Ngoài ra, Đ thuê Bô Văn Q phụ làm trọng tài thu tiền xâu của những người chơi cá cược đá gà không tham gia đá xỏ mà cá cược riêng ở ngoài, mỗi ngày Đoàn trả tiền công cho Quan từ 150.000 đồng đến 500.000 đồng. Từ ngày 01/3/2019 đến ngày 20/3/2019, Đ, N, T đã tổ chức cho các con bạc tham gia chơi đánh bạc ở những địa điểm khác nhau: Lô cao su của ông Võ Văn T ở ấp 6, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương; lô cao su của ông Nguyễn Văn Đp ở ấp 6, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương; lô cao su ở ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện P, tỉnh Bình Dương và lô cao su ở ấp 6, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương (chưa xác định được chủ lô cao su). Mỗi ngày, Đ, T và N thu tiền xâu trung bình được số tiền: 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Từ ngày 01/3/2019 đến ngày 20/3/2019, Đoàn nghỉ 04 ngày không tổ chức đánh bạc nên tổng thu tiền xâu mà Đoàn thu được là: 4.000.000 đồng/ngày x 16 ngày = 64.000.000 đồng (sáu mươi bốn triệu đồng). Riêng ngày 21/3/2019, các bị cáo mới thu tiền xâu được số tiền là: 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Trần Hùng Đ tổ chức đánh bạc 16 ngày, Đ thu tiền xâu trung bình mỗi ngày là 4.000.000 đồng. Ngày 21/3/2021, Đoàn thu số tiền xâu 3.250.000 đồng thì bị bắt quả tang. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính được tính để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đoàn là 67.250.000 đồng. Sau khi chia cho các bị cáo Đỗ Minh T, Lê Văn N, Phạm Bá Đ, Bô Văn Q và Hoàng Xuân T, bản thân Đoàn thu lợi 37.500.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân.

Đỗ Minh T tham gia tổ chức đánh bạc cùng với Trần Hùng Đ 04 ngày. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính được tính để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Thư là 03 ngày x 4.000.000 đồng/ngày + 3.250.000 đồng = 15.250.000 đồng. Thư được Đoàn chia cho 7.000.000 đồng nhưng đã tiêu xài cá nhân.

Lê Văn N tham gia tổ chức đánh bạc cùng Trần Hùng Đ 05 ngày. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính được tính để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nhanh là 04 ngày x 4.000.000 đồng/ngày + 3.250.000 đồng = 19.250.000 đồng. Nhanh được Đoàn chia cho 10.000.000 đồng nhưng đã tiêu xài cá nhân.

Phạm Bá Đ được Đoàn thuê làm nhiệm vụ canh giới Công an cho các đối tượng đánh bạc giúp Trần Hùng Đ 05 ngày. Hàng ngày, Đ mắc võng tại vườn tràm gần địa điểm đánh bạc để canh gác, nếu phát hiện có người lạ hoặc Công

an thì báo cho Đ biết. Mỗi ngày, Đ trả cho Đại từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng tiền công. Tính đến ngày bị bắt, Doan trả cho Đại 4.500.000 đồng và Đại đã tiêu xài cá nhân. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính được tính để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đại là $04 \text{ ngày} \times 4.000.000 \text{ đồng/ngày} + 3.250.000 \text{ đồng} = 19.250.000 \text{ đồng}$.

Bồ Văn Q được Đ thuê vào phụ với N làm trọng tài và thu tiền xâu của những người chơi cá cược đá gà không tham gia đá xỏ mà cá cược riêng ở ngoài. Mỗi ngày, Qn được Đ trả 300.000 đồng, Q tham gia phụ giúp cho Doan tổ chức đánh bạc 06 ngày, tính đến ngày bị bắt, Đ cho Q 1.500.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính được tính để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Q là $06 \text{ ngày} \times 4.000.000 \text{ đồng/ngày} + 3.250.000 \text{ đồng} = 27.250.000 \text{ đồng}$.

Hoàng Xuân T được Đ thuê đến phụ Đ tổ chức đánh bạc, T làm nhiệm vụ tắm gà và quần băng keo cựa gà trước khi tiến hành đá gà, khoảng 03 ngày thì Đ trả cho T 400.000 đồng tiền công. T tham gia phụ giúp cho Doan 07 ngày, tính đến ngày bị bắt thì Đ cho T 3.500.000 đồng và Trường đã tiêu xài cá nhân hết. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính được tính để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T là $06 \text{ ngày} \times 4.000.000 \text{ đồng/ngày} + 3.250.000 \text{ đồng} = 27.250.000 \text{ đồng}$.

* Hành vi đánh bạc bằng hình thức tài xỉu thắng thua bằng tiền có các bị cáo gồm: Nguyễn Ngọc D, Lâm Bá Khánh T, Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn H, Bùi Xuân L, Nguyễn Văn Á, Đặng Văn T, Nguyễn Thế P và Trần Hùng Đ, thể hiện như sau:

Hình thức chơi tài xỉu: Nguyễn Ngọc D lấy ba hột xí ngẫu đỏ - đen bỏ lên cái đĩa nhỏ rồi dùng cái nắp úp lên và lắc đều ba hột xí ngẫu xong. Bị cáo Duy đặt đĩa lên nền tấm bạt màu xanh - cam để cho các con bạc đặt tiền cá cược theo 02 cửa tài, xỉu theo như hình tấm nhựa có đề chữ “TÀI”, “XỈU”. Sau khi các con bạc đặt tiền xong thì bị cáo Duy mở nắp ra tính số chấm trên 03 mặt ngửa của 03 hột xí ngẫu để tính thắng thua. Nếu con bạc đặt cửa tài mà kết quả là xỉu thì con bạc thua và phải đưa cho nhà cái số tiền mà con bạc đã đặt, còn nếu kết quả là xỉu thì con bạc thắng và được nhà cái chung (đưa) lại số tiền bằng với số tiền mà con bạc đã đặt và ngược lại. Cách tính tài, xỉu như sau: Cộng số chấm trên 03 mặt ngửa của 03 hột xí ngẫu lại, nếu tổng số chấm từ 04 đến 10 là xỉu, còn số chấm từ 11 đến 17 là tài. Nếu cả 03 hột xí ngẫu đều có số chấm bằng nhau thì gọi là bão tài hoặc bão xỉu. Nếu là bão tài thì người làm nhà cái hòa với người đặt tài và thắng người đặt xỉu, còn bão xỉu thì ngược lại. Kết thúc mỗi ván, bị cáo Duy sẽ lắc đĩa để chơi lại ván khác, mỗi ván, mỗi con bạc đặt tiền dao động từ 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng) đến 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

- Nguyễn Ngọc D tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi lắc tài xỉu, Duy trực tiếp làm nhà cái lắc tài xỉu để những con bạc khác đặt tiền. Ngày 21/3/2019, tại địa điểm đánh bạc ở lô cao su thuộc ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Duy mang theo 24.500.000 đồng (hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Khi số tiền các con bạc đặt cược

lớn thì Duy hỏi Trần Hùng Đ mượn Đoan 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Trần Hùng Đ biết Duy mượn 30.000.000 đồng để D đánh bạc nhưng Đoan vẫn đồng ý đưa 30.000.000 đồng cho Duy mượn. Do số lượng người chơi đông nên Duy thuê Nguyễn Minh Trí và Lâm Bá Khánh Trình phụ giúp thu tiền và trả tiền cho các người chơi. Ngày 21/3/2019, Duy đã đưa tiền xâu cho Đoan 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng). Khi bị lực lượng Công an bắt Duy không nhớ rõ đã thua bao nhiêu tiền, toàn bộ số tiền trên người Duy đã ném bỏ lại hiện trường rồi bỏ chạy về nhà. Đến ngày 26/3/2019, Duy đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Ngày 21/3/2019, Nguyễn Minh T đến chỗ D lắc tài xỉu, do không có tiền tiêu xài nên Trí nói với D cho T phụ giúp thu tiền và trả tiền cho các người chơi lắc tài xỉu để được trả tiền công thì D đồng ý. Khi Trí đang phụ giúp bị cáo Duy thì bị Công an bắt quả tang.

Ngày 21/3/2019, Lâm Bá Khánh T đến chỗ D lắc tài xỉu, do không có tiền tiêu xài nên T nói với D cho Trình phụ giúp thu tiền và trả tiền cho các người chơi lắc tài xỉu để được trả tiền công thì Duy đồng ý. Khi Trình đang phụ giúp bị cáo Duy thì bị Công an bắt quả tang.

Ngày 21/3/2019, Nguyễn Văn Á mang theo 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để chơi lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền với Nguyễn Ngọc Duy. Sau khi chơi được 04 ván thì Án thua hết số tiền mang theo và bị Công an bắt quả tang.

Ngày 21/3/2019, Nguyễn Thê P mang theo 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để chơi lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền với Nguyễn Ngọc D. Phi không nhớ đã tham gia chơi được bao nhiêu ván, chỉ biết khi bị Công an bắt quả tang thì Phi thua hết số tiền mang theo.

Ngày 21/3/2019, Nguyễn Văn H mang theo 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để chơi lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền với Nguyễn Ngọc D. H không nhớ đã tham gia chơi được bao nhiêu ván, chỉ biết khi bị Công an bắt quả tang thì H thua số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền còn lại H đã ném bỏ tại nơi đánh bạc.

Ngày 21/3/2019, Bùi Xuân L mang theo 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) để chơi lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền với Nguyễn Ngọc D. Sau khi chơi được 03 ván thì L thua hết số tiền mang theo và bị Công an bắt quả tang.

Ngày 21/3/2019, Đặng Văn T mang theo 240.000 đồng (hai trăm bốn mươi ngàn đồng) và sử dụng số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) để chơi lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền với Nguyễn Ngọc D. Sau khi chơi được 03 ván thì Trung thua hết số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và bị Công an bắt quả tang.

* Hành vi đánh bạc bằng hình thức đá gà thắng thua bằng tiền có các bị cáo gồm: Lê Văn H, Trần Văn T, Trang Thế D, Đoàn Công D và Đoàn Văn T, Lê Văn T, Lâm Thanh S, Lê Văn N, Huỳnh Văn A, Nguyễn Minh L, Đoàn Văn T và Huỳnh Văn C, thể hiện như sau:

Hình thức chơi đá gà: trước khi người chơi đá gà dưới hình thức đá xô với nhau thì người chơi thông qua người làm trọng tài về số tiền cá cược. Sau khi thống nhất số tiền cá cược thì người làm trọng tài đứng giữa trường gà hô to là: 1, 2, 3 thả gà thì người chơi đá gà liền thả gà ra để đá với nhau. Khi hai con gà đá với nhau thì gà của bên nào chết hoặc bỏ chạy thì người làm trọng tài xử thua và lấy tiền cá cược đã thỏa thuận trước của người thua trừ tiền xâu, số tiền còn lại đưa hết cho người thắng.

Qua điều tra xác định, ngày 21/3/2019, diễn ra 05 cặp gà đá với nhau thắng thua bằng tiền, khi trận thứ 05 đang đá thì bị bắt quả tang, trong đó có 04 trận gà xác định được số tiền dùng để đánh bạc đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự, cụ thể:

Trận thứ nhất: Gà tre của bị cáo T đá xô với gà tre của đối tượng Vũ (chưa rõ nhân thân lai lịch), trận này bị cáo Lê Văn N làm trọng tài, thông qua bị cáo Nhanh nhóm của bị cáo Tuấn cá cược đá gà với Vũ tổng số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), bên phía gà của Tuấn có Tuấn góp 1.000.000 đồng (một triệu đồng), Thông (Hồng đi) góp 1.000.000 đồng (một triệu đồng), Sang và Tây mỗi người góp 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) để đủ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đá với gà của V. Sau khi đá xong thì gà của nhóm của bị cáo Tuấn thắng nên bị cáo N lấy tiền thua cược của đối tượng V, trừ tiền xâu và đưa lại cho nhóm bị cáo Tuấn 2.850.000 đồng (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Như vậy, số tiền dùng để đánh bạc được xác định đối với T, T, S và T ở trận gà này là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Trận thứ hai: Gà tre của bị cáo Thiệt đá với gà tre của nhóm bị cáo T, trận này bị cáo N làm trọng tài, thông qua bị cáo N nhóm của bị cáo T (gồm bị cáo T và bị cáo Danh) cá cược đá gà với nhóm của bị cáo Tuấn số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), bên gà của Tt thì Thiệt góp 1.500.000 đồng và Danh góp 1.500.000 đồng. Nhóm của bị cáo T thì có bị cáo T góp số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng); các bị cáo T, T, S và C mỗi người góp 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Sau khi đá xong thì gà của nhóm của bị cáo T thắng nên bị cáo N lấy tiền thua cược của nhóm của bị cáo Tuấn, trừ tiền xâu và đưa lại cho nhóm bị cáo Thiệt 2.850.000 đồng (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Như vậy, số tiền dùng để đánh bạc được xác định đối với Thiệt, Danh, Tuấn, T, T, S và C ở trận gà này là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Trận thứ ba: gà lông của nhóm bị cáo H (Hoàng đen) đá với gà lông của bị cáo Huỳnh Văn A, trận này bị cáo Nh làm trọng tài, thông qua bị cáo N nhóm của bị cáo Hoàng (gồm Hoàng, Trang Thế D và N) cá cược đá xô với gà của nhóm bị cáo Anh (gồm bị cáo A, L và 03 đối tượng khác không xác định được họ tên địa chỉ) với số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Nhóm của bị cáo H góp tiền đá xô gồm có Hoàng góp 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng), D góp 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), Nhanh góp 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Nhóm của bị cáo A gồm bị cáo Anh, Luân và 03 đối tượng khác góp mỗi người góp 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Sau khi đá xong thì gà của nhóm của bị cáo Hoàng thắng nên bị cáo Nhanh lấy tiền thua cược của

nhóm của bị cáo A, sau khi trừ tiền xâu cùng tiền thắng cược, bị cáo Nhanh đưa lại cho nhóm bị cáo H 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng). Như vậy số tiền dùng để đánh bạc được xác định đối với các bị cáo Hoàng, Nhanh, Duy, A và L ở trận gà này là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Trận thứ tư: gà tre của bị cáo T và bị cáo D đá với gà tre của nhóm bị cáo Huỳnh Văn Ch, trận này đối tượng C (không xác định được nhân thân lai lịch) làm trọng tài, thông qua đối tượng C nhóm của bị cáo Thiệt (gồm bị cáo Thiệt và bị cáo D) cá cược đá xỏ với gà của nhóm bị cáo Chúc với số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Nhóm của bị cáo C góp tiền đá xỏ gồm có bị cáo C góp 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), bị cáo T góp 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), số tiền còn lại do các đối tượng khác chưa xác định rõ họ tên, địa chỉ góp vào, nhóm của bị cáo T gồm bị cáo T và bị cáo D mỗi người góp 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi đá xong thì gà của nhóm của bị cáo C thua nên đối tượng C lấy tiền thua cược của nhóm của bị cáo Chúc, trừ tiền xâu và đưa lại cho nhóm bị cáo Thiệt 2.850.000 đồng (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Như vậy, số tiền dùng để đánh bạc được xác định cho các bị cáo Thiệt, Danh, Tuấn, Chúc ở trận gà này là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Đối với trận gà thứ 5, khi đang đá thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, hiện chưa rõ các đối tượng tham gia và số tiền cá cược, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo đang tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

Quá trình điều tra, xác định: ngày 21/3/2019, Lê Văn T mang theo 2.600.000 đồng và 01 (một) con gà tre màu đỏ điều. Sau khi chơi cá cược được 03 trận thì thua hết số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), khi bị Công an truy bắt đã bỏ chạy và làm rơi mất số tiền còn lại.

Ngày 21/3/2019, Trần Văn T mang theo 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Khi đến tham gia đá gà, Tây sử dụng 1.000.000 đồng để chơi cá cược đá gà thắng thua bằng tiền. Sau khi chơi được 04 trận thì thắng được 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), khi bị Công an bắt đã thu giữ 6.320.000 đồng (sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngày 21/3/2019, Lâm Thanh S mang theo khoảng 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Khi đến tham gia đá gà, Sang sử dụng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) để chơi cá cược đá gà thắng thua bằng tiền. Sau khi chơi được 02 trận (01 trận thắng và 01 trận thua) thì bị Công an truy bắt nên đã bỏ chạy và làm rơi mất số tiền trên.

Ngày 21/3/2019, Đoàn Văn T mang theo 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng). Khi đến tham gia đá gà, Thông sử dụng số tiền trên để chơi cá cược đá gà thắng thua bằng tiền. Sau khi chơi được 01 trận thì thắng được 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng), khi bị Công an truy bắt đã bỏ chạy và làm rơi hết số tiền trên.

Ngày 21/3/2019, Đoàn Văn T mang theo 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) và 02 con gà tre (01 con gà tre màu trắng và 01 con gà tre màu đỏ điều). Khi đến

tham gia đá gà, T sử dụng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để chơi cá cược đá gà thắng thua bằng tiền và cho con trai là bị cáo D mượn số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để cùng chơi cá cược đá gà. Sau khi góp tiền cùng với Danh đã được 02 trận gà, kết quả thắng được 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm nghìn đồng) thì bị cáo Thiệt bỏ về nhà. Sau đó, bị cáo Thiệt đã đến Cơ quan Công an làm việc và giao nộp toàn bộ số tiền trên.

Ngày 21/3/2019, Đoàn Công D đi cùng cha là bị cáo Đoàn Văn T đến điểm tổ chức đá gà. Khi đi Danh mang theo 475.000 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) để tiêu xài cá nhân. Khi đến tham gia đá gà, Danh mượn của Thiệt 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để cùng chơi cá cược đá gà. Sau khi góp tiền cùng với Thiệt đã được 02 trận gà, kết quả thắng được 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm nghìn đồng) thì D chở bị cáo T về nhà, sau đó, D quay lại thì bị Công an bắt giữ.

Ngày 21/3/2019, Lê Văn H không mang theo tiền mà chỉ mang theo 01 con gà lông màu vàng để chơi cá cược đá gà. Khi đến tham gia đá gà, H tham gia cá cược đá gà 01 trận thì thắng được 3.325.000 đồng (ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng), khi bị Công an truy bắt đã bỏ chạy và làm rơi hết số tiền trên.

Ngày 21/3/2019, Trang Thế D mang theo 1.000.000 đồng (một triệu đồng) để tham gia cá cược đá gà. Khi đến tham gia đá gà, D góp 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) tham gia cá cược đá gà với Hoàng 01 trận thì thắng được 475.000 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), khi bị Công an bắt đã thu giữ 1.000.000 đồng (một triệu đồng) trên người.

Ngày 21/3/2019, Huỳnh Văn A mang theo 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng). Khi đến tham gia đá gà, Anh chỉ sử dụng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) để chơi cá cược đá gà thắng thua bằng tiền và cho Luân mượn 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) để chơi đá gà. Sau khi chơi được 01 trận, Anh thua 1.000.000 đồng (một triệu đồng) nên định đi về thì bị Công an bắt và thu giữ 12.900.000 đồng (mười hai triệu chín trăm nghìn đồng) trên người.

Ngày 21/3/2019, Nguyễn Minh L mang theo 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng). Khi đến tham gia đá gà, L mượn A 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) để đủ 1.000.000 đồng (một triệu đồng) góp tiền với A cá cược đá gà thắng thua bằng tiền. Sau khi chơi được 01 trận, L thua 1.000.000 đồng (một triệu đồng) nên định đi về thì bị Công an truy bắt, bị cáo L đã bỏ chạy trốn về nhà.

Ngày 21/3/2019, Huỳnh Văn C mang theo 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) và 02 con gà tre (01 con gà tre màu đỏ điều và 01 con gà tre lông xanh). Khi đến tham gia đá gà, Chúc sử dụng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) để chơi cá cược đá gà thắng thua bằng tiền. Sau khi chơi được 02 trận thì thua hết 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng), khi bị Công an bắt đã thu giữ được số tiền 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm nghìn đồng) trên người.

Cáo trạng số 38/CT-VKSPG ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo:

- Bị cáo Trần Hùng Đ về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 322 của Bộ luật Hình sự;

- Các bị cáo Lê Văn Nhanh, Đỗ Minh T, Phạm Bá Đ, Bò Văn Q và Hoàng Xuân T về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại các điểm a, d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự;

- Các bị cáo Nguyễn Ngọc D, Lâm Bá Khánh T, Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn H, Bùi Xuân L, Nguyễn Văn Á, Đặng Văn T, Nguyễn Thế P và Trần Hùng Đ về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự;

- Các bị cáo Lê Văn H, Trần Văn T, Trang Thế D, Đoàn Công D, Đoàn Văn T, Lê Văn T, Lâm Thanh S, Lê Văn Nh, Huỳnh Văn A, Nguyễn Minh L, Đoàn Văn T và Huỳnh Văn Ch về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2022/HS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Trần Hùng Đ, Lê Văn Nh, Đỗ Minh T, Phạm Bá Đại, Bò Văn Q và Hoàng Xuân T phạm tội “Tổ chức đánh bạc”;

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc D, Lâm Bá Khánh Trình, Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn H, Bùi Xuân L, Nguyễn Văn Á, Đặng Văn T, Nguyễn Thế P và Trần Hùng Đ, Lê Văn H, Trần Văn T, Trang Thế D, Đoàn Công D và Đoàn Văn Th, Lê Văn T, Lâm Thanh S, Lê Văn Nh, Huỳnh Văn A, Nguyễn Minh L, Đoàn Văn T và Huỳnh Văn C phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1. Bị cáo Trần Hùng Đ:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Hùng Đ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Hùng Đ 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự: buộc bị cáo Trần Hùng Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án. Bị cáo Trần Hùng Đ được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 28 tháng 4 năm 2020 và từ ngày 04 tháng 01 năm 2021 đến ngày 20 tháng 01 năm 2021.

2.2. Bị cáo Lê Văn N:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Văn N 01 (một) năm 08

(tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Áp dụng điểm a, điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Văn N07 (bảy) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự: buộc bị cáo Lê Văn N phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Bị cáo Lê Văn Nhanh được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 24 tháng 3 năm 2019 đến ngày 03 tháng 9 năm 2019 và từ ngày 03 tháng 01 năm 2021 đến ngày 22 tháng 01 năm 2021.

2.3. Bị cáo Đỗ Minh T:

Áp dụng điểm a, điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đỗ Minh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 26 tháng 11 năm 2019 và từ ngày 03 tháng 01 năm 2021 đến ngày 20 tháng 01 năm 2021.

2.4. Bị cáo Bồ Văn Q:

Áp dụng điểm a, điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Bồ Văn Q 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 27 tháng 11 năm 2019.

2.5. Bị cáo Phạm Bá Đ:

Áp dụng điểm a, điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Bá Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng 16 (mười sáu) ngày tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 28 tháng 4 năm 2020 và từ ngày 20 tháng 11 năm 2020 đến ngày 29 tháng 01 năm 2021. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

2.6. Bị cáo Hoàng Xuân Tr:

Áp dụng điểm a, điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Hoàng Xuân Tr 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 28 tháng 4 năm 2020 và từ ngày 03 tháng 01 năm 2021 đến ngày 18 tháng 01 năm 2021.

2.7. Bị cáo Nguyễn Ngọc D:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 04 (bốn) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 3 năm 2019 đến ngày 04 tháng 4 năm 2019; từ ngày 06 tháng 11 năm 2019 đến ngày 28 tháng 4 năm 2020; từ ngày 03 tháng 01 năm 2021 đến ngày 20 tháng 01 năm 2021.

2.8. Bị cáo Lâm Bá Khánh T:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lâm Bá Khánh T 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 30 tháng 3 năm 2019.

2.9. Bị cáo Nguyễn Minh T:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 30 tháng 3 năm 2019 và từ ngày 04 tháng 01 năm 2021 đến ngày 22 tháng 01 năm 2021.

2.10. Bị cáo Nguyễn Văn H:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 30 tháng 3 năm 2019.

2.11. Bị cáo Nguyễn Văn Á:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Á 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 30 tháng 3 năm 2019 và từ ngày 04 tháng 01 năm 2021 đến ngày 18 tháng 01 năm 2021.

2.12. Bị cáo Đặng Văn T:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đặng Văn T 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 30 tháng 3 năm 2019.

2.13. Bị cáo Nguyễn Thế P:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thế P 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 30 tháng 3 năm 2019.

2.14. Bị cáo Bùi Xuân L:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Bùi Xuân L 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày ngày 03 tháng 01 năm 2019 đến ngày 19 tháng 01 năm 2021.

2.15. Bị cáo Lê Văn H:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo: xử phạt bị cáo Lê Văn H 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 30/3/2022).

Hình phạt bổ sung: căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 35; khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự phạt bị cáo Lê Văn H số tiền 10.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.16. Bị cáo Trần Văn T:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm 01 (một) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06 tháng 01 năm 2021 đến ngày 18 tháng 01 năm 2021.

2.17. Bị cáo Trang Thế D:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trang Thế D 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 23 tháng 3 năm 2019 và từ ngày 03 tháng 01 năm 2021 đến ngày 19 tháng 01 năm 2021.

2.18. Bị cáo Đoàn Công D:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đoàn Công D 01 (một) năm 01 (một) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2.19. Bị cáo Đoàn Văn T:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đoàn Văn T 01 (một) năm 01 (một) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2.20. Bị cáo Lê Văn T:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 04 tháng 01 năm 2021 đến ngày 20 tháng 01 năm 2021.

2.21. Bị cáo Lâm Thanh S:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lâm Thanh S 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06 tháng 01 năm 2021 đến ngày 18 tháng 01 năm 2021.

2.22. Bị cáo Huỳnh Văn A:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo: xử phạt bị cáo Huỳnh Văn A 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 30/3/2022).

Hình phạt bổ sung: căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 35; khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự phạt bị cáo Huỳnh Văn A số tiền 10.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.23. Bị cáo Nguyễn Minh L:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo: xử phạt bị cáo Nguyễn Minh L 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 30/3/2022).

Hình phạt bổ sung: căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 35; khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự phạt bị cáo Nguyễn Minh L số tiền 10.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.24. Bị cáo Đoàn Văn T:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đoàn Văn T 01 (một) năm 01 (một) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2.25. Bị cáo Huỳnh Văn C:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Huỳnh Văn C 01 (một)

năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về áp dụng biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 02/4/2022 đến ngày 12/4/2022, các bị cáo Trần Hùng Đ và Nguyễn Minh T làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Lê Văn N, Đặng Văn T, Nguyễn Văn H, Lâm Bá Khánh T, Nguyễn Văn Á, Đoàn Văn T, Đoàn Công D, Lâm Thanh S, Trần Văn T, Lê Văn T, Đoàn Văn T và Huỳnh Văn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; các bị cáo Bồ Văn Q, Nguyễn Ngọc D, Bùi Xuân L, Nguyễn Thế P và Trang Thế D xin hưởng án treo.

Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKSPG ngày 13/4/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú G, tỉnh Bình Dương về việc kháng nghị đề nghị cấp phúc thẩm giảm hình phạt đối với các bị cáo Đoàn Công D, Lâm Thanh S, Trần Văn T, Lê Văn T, Đoàn Văn T, Huỳnh Văn C và Trang Thế D.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo kháng cáo và Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo kháng nghị.

Xét Quyết định kháng nghị số 03 ngày 13/4/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P và kháng cáo của 08 bị cáo sau:

Đoàn Văn T, Đoàn Công D tham gia 02 trận đá gà (trận 02, 04) – T dùng 3.000.000 đồng để đánh bạc; D dùng 3.000.000 đồng để đánh bạc; Lâm Thanh S: tham gia 02 trận đá gà (trận 01, 02), Sang dùng 1.000.000 đồng để đánh bạc; Trần Văn T tham gia 02 trận đá gà (trận 01, 02), T dùng 1.000.000 đồng để đánh bạc; Lê Văn T tham gia 03 trận đá gà (trận 01, 02, 04), Tuấn dùng 2.500.000 đồng để đánh bạc; Trang Thế D tham gia 01 trận đá gà (trận 03), Duy dùng 500.000 đồng để đánh bạc; Đoàn Văn T tham gia 02 trận đá gà (trận 01, 02), Thông dùng 1.500.000 đồng để đánh bạc và Huỳnh Văn C tham gia 02 trận đá gà (trận 02, 04), C dùng 1.100.000 đồng để đánh bạc. Tuy các bị cáo đánh bạc 02 lần trở lên nhưng số tiền mà các bị cáo dùng đánh bạc chỉ dao động từ 1.000.000 đến 3.000.000 đồng (Riêng bị cáo Trang Thế D chỉ tham gia đánh bạc 01 lần, với số tiền tham gia đánh bạc là 500.000 đồng). Hơn nữa, vụ án chỉ thể hiện có 04 trận đá gà thì trong đó có 03 trận (trận 01, 03 và 04), mỗi trận có tổng số tiền dùng đánh bạc chỉ 6.000.000 đồng; riêng trận đá gà thứ 03, có tổng số tiền đánh bạc là 10.000.000 đồng. Bản thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu. Riêng bị cáo Trang Thế D là có nhân thân (ngày 12/11/2021, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo Bản số 161/2021/HS-PT, ngày 12/11/2021. Vụ án này là lỗi vô ý xảy ra sau khi phạm tội “Đánh bạc” tại huyện D bị khởi tố).

Việc Tòa án nhân dân huyện P tuyên phạt các bị cáo Đoàn Văn T, Đoàn Công D, Trần Văn T, Đoàn Văn T mỗi bị cáo 01 năm 01 tháng tù; Lâm Thanh S, Trang Thế D và Huỳnh Văn C, mỗi bị cáo 01 năm tù về tội “Đánh bạc”; riêng bị cáo Lê Văn T bị tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc” là nặng so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo có khả năng tự cải tạo và đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng biện pháp miễn chấp hành án phạt tù có điều kiện cho bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nên có cơ sở xem xét chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú giáo và kháng cáo của 07 bị cáo: Đoàn Văn T, Đoàn Công D, Lâm Thanh Sa, Trần Văn T, Đoàn Văn Th, Huỳnh Văn C và bị cáo Lê Văn T.

Đề nghị xử phạt các bị cáo:

- Đoàn Văn T, Đoàn Công D và Huỳnh Văn C mỗi bị cáo mức án từ 09 – 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

- Lâm Thanh S, Trần Văn T và Đoàn Văn T, mỗi bị cáo mức án từ 08 – 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng.

- Đối với bị cáo Lê Văn T: Bị cáo tham gia đến 03 trận đá gà, gà là của bị cáo mang đến để tham gia đánh bạc, số tiền bị cáo dùng đánh bạc là 2.500.000 đồng. Do vậy, chỉ có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, cần giảm hình phạt tù nhưng không cho hưởng án treo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

- Đối với bị cáo Trang Thế D, do Bản án số 161/2021/HS-PT ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Do vậy, ở bản án này không áp dụng hình phạt tù treo cho bị cáo. Tuy nhiên, cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, hạ khung hình phạt, xử bị cáo Trang Thế D mức án từ 06 đến 08 tháng tù về tội “Đánh bạc” và tổng hợp hình phạt tại Bản án số 161/2021/HS-PT ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T theo quy định của pháp luật.

Đối với kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Đặng Văn T, Bùi Xuân L và Nguyễn Văn Á: tuy 04 bị cáo trên tham gia đánh bạc trong sông Tài Xiu do Nguyễn Ngọc D làm cái, tổng số tiền mà 09 bị cáo gồm: Nguyễn Ngọc Duy, Lâm Bá Khánh T, Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn H, Bùi Xuân L, Nguyễn Văn Á, Đặng Văn T, Nguyễn Thế P và Trần Hùng Đ dùng đánh bạc trong sông tài xiu là 72.390.000 đồng (trong đó, Nguyễn Ngọc D dùng số tiền 54.500.000 đồng để đánh bạc), bản thân bị cáo H dùng 3.000.000 đồng, Trung dùng 200.000 đồng, L 600.000 đồng và Á dùng 300.000 đồng để đánh bạc. Tuy bị cáo phạm tội ở điểm b, khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự nhưng số tiền mà 04 bị cáo tham gia đánh bạc là ít. Bản thân 04 bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ

ràng, các bị cáo có khả năng tự cải tạo và đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng biện pháp miễn chấp hành án phạt tù có điều kiện cho bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nên có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo của 04 bị cáo.

Đề nghị xử phạt các bị cáo:

- Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế P mỗi bị cáo mức án tù 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng về tội “Đánh bạc”;

- Đặng Văn Trung, Bùi Xuân L và Nguyễn Văn Á mỗi bị cáo mức án tù 12 – 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng về tội “Đánh bạc”.

Đối với kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Minh T, Lâm Bá Khánh T: trong sòng tài xỉu bản thân D làm cái và dùng số tiền lớn nhất để đánh bạc với các con bạc còn lại (D dùng 54.500.000 đồng); D còn thuê Nguyễn Minh T, Lâm Bá Khánh T phụ D thu, chung chi tiền đánh bạc cho các con bạc. Tuy bản thân D chưa có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo phạm tội với vai trò cầm đầu, chủ chốt trong sòng bạc. Do vậy, mức án 04 năm tù về tội Đánh bạc mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là có căn cứ. Kháng cáo của bị cáo không có cơ sở xem xét. Vì vậy, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc Duy, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 08/2022/HS-ST, ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, đã xử phạt bị cáo D 04 năm tù. Các bị cáo Nguyễn Minh T, Lâm Bá Khánh T có vai trò giúp sức cho Nguyễn Ngọc D là hết sức tích cực, các bị cáo giúp D trông coi sòng tài xỉu, phụ việc chung chi tiền đánh bạc. Bản thân bị cáo Trí có nhân thân xấu, ngày 07/01/2011, bị cáo từng bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai xử phạt 20 tháng 15 ngày tù về tội Đánh bạc (bị cáo được xóa án tích). Bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của 02 bị cáo, nhận thấy mức án 03 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt mỗi bị cáo là phù hợp, nên không có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 08/2022/HS-ST, ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện P về hình phạt đối với 02 bị cáo.

Đối với bị cáo Đ phạm 02 tội vừa “Tổ chức đánh bạc” và vừa đồng phạm với Nguyễn Ngọc D phạm tội “Đánh bạc” (cho Duy mượn 30.000.000 đồng để Duy đánh bạc). Đoàn tổ chức, chuẩn bị công cụ, phương tiện, địa điểm, thuê mượn các bị cáo Lê Văn N, Đỗ Minh T, Phạm Bá Đ, Hoàng Xuân T và Bò Văn Q phụ giúp việc trông coi các sòng bạc, thu xâu. Bị cáo tổ chức đánh bạc từ ngày 01/3 đến ngày 20/3/2019 ở nhiều địa điểm khác nhau. Tất cả những điều này chứng tỏ bị cáo giữ vai trò cầm đầu, chủ chốt trong hoạt động cờ bạc. Hơn nữa, bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị kết án hình sự và bị phạt hành chính.

Điều này chứng tỏ bị cáo rất xem thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 08/2022/HS-ST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

Đối với bị cáo Lê Văn N: bản thân bị cáo có tiền án chưa được xóa án tích; bị cáo đồng phạm với Đ về tội “Tổ chức đánh bạc” và còn trực tiếp tham gia đánh bạc. Do vậy, mức án cấp sơ thẩm xử phạt là tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo rút toàn bộ kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Bò Văn Q: tuy bị cáo không phải là người cầm đầu trong hoạt động cờ bạc của bị cáo Đ nhưng bị cáo là một trong những đồng phạm tích cực nhất, bị cáo nhận lời làm thuê cho Đ, được Đ trả tiền và thông qua bị cáo thì hoạt động phạm tội của Đ mới trót lọt. Mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 08/2022/HS-ST, ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Hùng Đ, Nguyễn Minh T, Lê Văn N, Đặng Văn T, Nguyễn Văn H, Lâm Bá Khánh T, Nguyễn Văn Á, Đoàn Văn T, Đoàn Công D, Lâm Thanh S, Trần Văn T, Lê Văn T, Đoàn Văn Th, Huỳnh Văn C, Bò Văn Q, Nguyễn Ngọc D, Bùi Xuân L, Nguyễn Thế P, Trang Thế D và Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú G, tỉnh Bình Dương được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Hùng Đ, Nguyễn Minh T, Lê Văn N, Đặng Văn T, Nguyễn Văn H, Lâm Bá Khánh T, Nguyễn Văn Á, Đoàn Văn T, Đoàn Công D, Lâm Thanh S, Trần Văn T, Lê Văn T, Đoàn Văn T, Huỳnh Văn C, Bò Văn Q, Nguyễn Ngọc D, Bùi Xuân L, Nguyễn Thế P, Trang Thế D đã khai nhận hành vi phạm tội thống nhất như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định: từ ngày 01/3/2019 đến ngày 21/3/2019, tại các lô cao su thuộc các xã Tân Hiệp và xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Trần Hùng Đ, Lê Văn N, Đỗ Minh T, Phạm Bá Đ, Bò Văn Q và Hoàng Xuân T đã tổ chức cho các con bạc tham gia

đánh bạc trái phép bằng hình thức đá gà và lặc tài xỉu thắng thua bằng tiền với tổng số tiền thu lợi bất chính là 64.000.000 đồng, cụ thể:

[2.1] Hình thức đánh bạc lặc tài xỉu: các bị cáo Nguyễn Ngọc Duy, Nguyễn Minh T, Lâm Bá Khánh T, Nguyễn Văn Á, Nguyễn Văn H, Bùi Xuân L, Nguyễn Thế P, Đặng Văn T tham gia chơi đánh bạc với hình thức lặc tài xỉu thắng thua bằng tiền với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 72.390.000 đồng. Bị cáo Trần Hùng Đ biết bị cáo Nguyễn Ngọc D mượn số tiền 30.000.000 đồng dùng để đánh bạc nhưng bị cáo Đoàn Văn Th cho D mượn để đánh bạc.

[2.2] Hình thức đánh bạc bằng hình thức đá gà: các bị cáo Đoàn Văn Th, Đoàn Công D, Trần Văn T, Lâm Thanh S, Đoàn Văn T và Huỳnh Văn C tham gia 02 trận gà, mỗi trận tham gia cá cược đá gà là 6.000.000 đồng với tổng số tiền tham gia cá cược là 12.000.000 đồng; bị cáo Lê Văn T tham gia 03 trận cá cược đá gà, mỗi trận tham gia cá cược đá gà là 6.000.000 đồng với tổng số tiền là 18.000.000 đồng; các bị cáo Lê Văn H, Lê Văn N, Trang Thế D, Huỳnh Văn A, Nguyễn Minh L tham gia cá cược 01 trận gà với số tiền tham gia cá cược là 10.000.000 đồng.

[2.3] Hành vi của bị cáo Trần Hùng Đ tổ chức đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền với tổng số tiền thu lợi bất chính là 64.000.000 đồng (trong đó Đỗ Minh Thư tham gia với vai trò đồng phạm với số tiền thu lợi trong 04 ngày là 15.250.000 đồng; Lê Văn N tham gia với vai trò đồng phạm với số tiền thu lợi trong 05 ngày là 19.250.000 đồng; Phạm Bá Đ tham gia với vai trò đồng phạm với số tiền thu lợi trong 04 ngày là 19.250.000 đồng; Bô Văn Q tham gia với vai trò đồng phạm với số tiền thu lợi trong 06 ngày là 27.250.000 đồng và Hoàng Xuân T tham gia với vai trò đồng phạm với số tiền thu lợi trong 07 ngày là 27.250.000 đồng). Cấp sơ thẩm nhận định các bị cáo Đỗ Minh Thư, Lê Văn Nh, Phạm Bá Đ, Bô Văn Q và Hoàng Văn T là đồng phạm với hành vi tổ chức đánh bạc cùng với bị cáo Trần Hùng Đ với tổng số tiền 64.000.000 đồng là chưa chính xác, tuy nhiên khi áp dụng hình phạt thì xác định hành vi của các bị cáo Đỗ Minh T, Lê Văn N, Phạm Bá Đại, Bô Văn Q và Hoàng Văn T vi phạm tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự là đúng quy định pháp luật, tuy nhiên hành vi vi phạm của các bị cáo quy định tại các điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự nhưng cấp sơ thẩm lại áp dụng điểm a, d là chưa chính xác nên cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại cho phù hợp. Đối với hành vi của bị cáo Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức đánh bạc*” với tình tiết định khung “*Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Đ theo tội danh, khung hình phạt và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Minh T, Lâm Bá Khánh T, Nguyễn Văn Á, Nguyễn Văn H, Bùi Xuân L, Nguyễn Thế P, Đặng Văn T và Trần Hùng Đ tham gia đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền với tổng số tiền bị bắt quả tang tại chiếu bạc là 72.390.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” với tình tiết định khung “*Tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên*” quy định tại điểm b

khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo tội danh, khung hình phạt và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.5] Hành vi của các bị cáo Đoàn Văn T, Đoàn Công D, Lê Văn T, Trần Văn T, Lâm Thanh S, Lê Văn H, Trang Thế D, Huỳnh Văn A, Nguyễn Minh L, Đoàn Văn T, Lê Văn N và Huỳnh Văn C tham gia đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền với hình thức đá gà, mỗi trận đá gà đều trên 5.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo tội danh, khung hình phạt và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương, xét thấy:

[3.1] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Hùng Đ: bị cáo Doan là người đầu vụ, thuê những bị cáo khác vào để phục vụ cho việc tổ chức đánh bạc xong chia tiền thu lợi (tiền xâu) và trả tiền công thuê, mượn. Ngoài ra ngày 21/3/2019 khi bị cáo Nguyễn Ngọc D làm cái lắc tài xỉu thì Đ có cho D mượn 30.000.000 đồng. Ngoài ra bản thân bị cáo có nhân thân đã nhiều lần bị Tòa án phạt tù về hành vi cố ý gây thương tích, bị giáo dục về hành vi cố ý gây thương tích nhưng vẫn không cải sửa bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật, bất chấp hậu quả. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới, mức hình phạt cấp sơ thẩm xử phạt là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3.2] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Minh T: xét bị cáo T tham gia vụ án với vai trò đồng phạm tích cực trong việc phụ giúp bị cáo Nguyễn Ngọc D làm cái lắc tài xỉu (phụ giúp thu chi tiền thắng thua); về nhân thân: ngày 07/01/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 20 tháng 15 ngày tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2011/HS-ST ngày 07/01/2011 về tội “*Đánh bạc*”, đã xóa án tích. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc tình tiết định khung khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Xét mức hình phạt như cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp, không có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Ngọc D: xét bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền nhiều nhất 54.500.000 đồng và là người làm cái, thuê Nguyễn Minh T và Lâm Bá Khánh T thu và trả tiền thắng thua với người đánh bạc. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới, việc cho bị cáo hưởng án treo là không nghiêm, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo D.

[3.4] Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lâm Bá Khánh T: xét bị cáo Trình tham gia vụ án với vai trò đồng phạm tích cực trong việc phụ giúp bị cáo Nguyễn Ngọc Duy làm cái lắc tài xỉu (phụ giúp thu chi tiền thắng

thua); về nhân thân: ngày 18/4/2017, bị Công an huyện P, tỉnh Bình Dương xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc” với số tiền 1.500.000 đồng đã chấp hành đóng tiền phạt. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới, bị cáo không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về án treo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo T.

[3.5] Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Bồ Văn Q: bị cáo Quan tham gia vụ án với vai trò giúp sức cho bị cáo Trần Hùng Đ trong việc phụ giúp Lê Văn N là trọng tài và thu tiền xâu của những người đá gà ngoài sổ cược riêng, được Đ trả tiền công 1.500.000 đồng, bị cáo phụ giúp Đoàn trong 06 ngày. Bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về án treo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3.6] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Lê Văn T: bị cáo Lê Văn T tham gia 03 trận cá cược đá gà, mỗi trận tham gia cá cược đá gà là 6.000.000 đồng với tổng số tiền là 18.000.000 đồng, có nhân thân: ngày 18/4/2017 bị Công an phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương xử phạt 750.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm trật tự xã hội, trật tự công cộng; bị cáo kháng cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ gì mới, mức hình phạt cấp sơ thẩm xử phạt là phù hợp, không có căn cứ giảm nhẹ. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo, xét thái độ chấp hành pháp luật của bị cáo như viện dẫn nêu trên thấy rằng việc cho bị cáo hưởng án treo là không nghiêm nên không có căn cứ chấp nhận.

[3.7] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Trang Thế Duy: bị cáo đem theo 1.000.000 đồng sử dụng đánh bạc, tham gia 01 trận gà với số tiền cược 500.000 đồng trong trận gà có số tiền cược 10.000.000 đồng, xét bị cáo sử dụng số tiền ít, tuy nhiên trong thời gian tại ngoại điều tra bị cáo phạm tội mới, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, bản án hiện đã có hiệu lực pháp luật nên cần tổng hợp bản án theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự nên bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo. Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xét bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới, tuy nhiên bị cáo sử dụng tiền đánh bạc ít, mức hình phạt 01 năm tù cấp sơ thẩm xử phạt là nặng nên có căn cứ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng như chấp nhận một phần kháng nghị.

[3.8] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Đặng Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn A, Nguyễn Thế P và Bùi Xuân L: xét các bị cáo tham gia sòng tài xỉu có tổng số tiền đánh bạc trên 50.000.000 đồng, tuy nhiên số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc không lớn

(nhiều nhất là 5.000.000 đồng, ít nhất là 240.000 đồng) và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mức hình phạt như cấp sơ thẩm xử phạt mỗi bị cáo mức hình phạt 03 năm tù là nặng, không cá thể hóa, xem xét toàn diện tính chất, vai trò của từng bị cáo. Do đó có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo, xét các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về án treo nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[3.9] Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Đoàn Văn Thiệt, Đoàn Công D, Trần Văn T, Lâm Thanh S, Đoàn Văn T và Huỳnh Văn C: xét các bị cáo tham gia đá gà, số tiền các bị cáo sử dụng ít (nhiều nhất là 3.000.000 đồng và ít nhất là 475.000 đồng), các bị cáo tham gia 02 trận gà nên có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên nên không có căn cứ xem xét giảm nhẹ theo kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên 02 lần phạm tội của các bị cáo đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, đủ điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[3.10] Đối với Lê Văn N tại phiên tòa phúc thẩm rút toàn bộ kháng cáo nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo.

[4] Đối với Bản án hình sự phúc thẩm số 161/2021/HS-ST ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt bị cáo Trang Thế D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, hiện đang có hiệu lực pháp luật nên áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt cả 02 bản án buộc bị cáo chấp hành, có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

[5] Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thế P, Đặng Văn T là có căn cứ chấp nhận, ý kiến bào chữa cho bị cáo Bồ Văn Quan là chưa phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận.

[6] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị là phù hợp một phần.

[7] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Trần Hùng Đ, Nguyễn Ngọc D, Bồ Văn Q, Nguyễn Minh T, Lâm Bá Khánh T và Lê Văn T không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Đặng Văn Trung, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Á, Nguyễn Thế P và Bùi Xuân L được chấp nhận toàn bộ; kháng cáo của các bị cáo Đoàn Văn T, Đoàn Công D, Trần Văn T, Lâm

Thanh S, Đoàn Văn Th, Huỳnh Văn C và Trang Thế D được chấp nhận một phần; bị cáo Lê Văn N rút toàn bộ kháng cáo nên Hội Đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Văn N. Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2022/HS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương có hiệu lực thi hành đối với bị cáo Lê Văn N.

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Hùng Đ, Nguyễn Ngọc Du, Bò Văn Q, Nguyễn Minh T, Lâm Bá Khánh Tr và Lê Văn T. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 08/2022/HS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với các bị cáo Trần Hùng Đ, Nguyễn Ngọc D, Bò Văn Q, Nguyễn Minh T, Lâm Bá Khánh T và Lê Văn T.

3. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Đoàn Văn T, Đoàn Công Dan, Lâm Thanh S, Trần Văn T, Đoàn Văn T và Huỳnh Văn C. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2022/HS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương về biện pháp chấp hành hình phạt.

4. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Văn T, Nguyễn Văn Hai, Nguyễn Văn A, Nguyễn Thế P và Bùi Xuân L. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2022/HS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú G, tỉnh Bình Dương về hình phạt.

5. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trang Thế D và một phần Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2022/HS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương về hình phạt và tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Trang Thế D.

6. Về tội danh: tuyên bố các bị cáo Trần Hùng Đ và Bò Văn Q phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc D, Lâm Bá Khánh T, Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn H, Bùi Xuân L, Nguyễn Văn A, Đặng Văn T, Nguyễn Thế P, Trần Hùng Đ, Trần Văn T, Trang Thế D, Đoàn Công D, Đoàn Văn T, Lê Văn T, Lâm Thanh S, Đoàn Văn T và Huỳnh Văn C phạm tội “Đánh bạc”.

7. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

7.1. Bị cáo Trần Hùng Đ:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Hùng Đ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Hùng Đ 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự: tổng hợp hình phạt chung cả hai tội, buộc bị cáo Trần Hùng Đ phải chấp hành là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 28 tháng 4 năm 2020 và từ ngày 04 tháng 01 năm 2021 đến ngày 20 tháng 01 năm 2021.

7.2. Bị cáo Bò Văn Q:

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Bò Văn Q 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 27 tháng 11 năm 2019.

7.3. Bị cáo Nguyễn Ngọc D:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 04 (bốn) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 3 năm 2019 đến ngày 04 tháng 4 năm 2019; từ ngày 06 tháng 11 năm 2019 đến ngày 28 tháng 4 năm 2020; từ ngày 03 tháng 01 năm 2021 đến ngày 20 tháng 01 năm 2021.

7.4. Bị cáo Lâm Bá Khánh T:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lâm Bá Khánh T 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 30 tháng 3 năm 2019.

7.5. Bị cáo Nguyễn Minh Tr:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Tr 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 30 tháng 3 năm 2019 và từ ngày 04 tháng 01 năm 2021 đến ngày 22 tháng 01 năm 2021.

7.6. Bị cáo Lê Văn T:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 04 tháng 01 năm 2021 đến ngày 20 tháng 01 năm 2021.

7.7. Bị cáo Trang Thế D:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật

Hình sự: xử phạt bị cáo Trang Thế D 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”,

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự: tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 161/2021/HS-ST ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, buộc bị cáo Trang Thế D phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 23 tháng 3 năm 2019 và từ ngày 03 tháng 01 năm 2021 đến ngày 19 tháng 01 năm 2021.

7.8. Bị cáo Đoàn Công D:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đoàn Công D 01 (một) năm 01 (một) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 02 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/9/2022).

Giao bị cáo Đoàn Công D về cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

7.9. Bị cáo Đoàn Văn T:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đoàn Văn T 01 (một) năm 01 (một) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/9/2022).

Giao bị cáo Đoàn Văn T về cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

7.10. Bị cáo Lâm Thanh S:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lâm Thanh Sang 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/9/2022).

Giao bị cáo Lâm Thanh S về cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm

nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

7.11. Bị cáo Trần Văn T:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm 01 (một) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/9/2022).

Giao bị cáo Trần Văn T về cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

7.12. Bị cáo Đoàn Văn T:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đoàn Văn T 01 (một) năm 01 (một) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/9/2022).

Giao bị cáo Đoàn Văn T về cho Ủy ban nhân dân phường Phú Hòa, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

7.13. Bị cáo Huỳnh Văn C:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Huỳnh Văn C 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/9/2022).

Giao bị cáo Huỳnh Văn C về cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

7.14. Bị cáo Nguyễn Văn H:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 02 (hai) năm tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04

(bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/9/2022).

Giao bị cáo Nguyễn Văn H về cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

7.15. Bị cáo Nguyễn Văn Á:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Á 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/9/2022).

Giao bị cáo Nguyễn Văn Á về cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

7.16. Bị cáo Đặng Văn T:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đặng Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/9/2022).

Giao bị cáo Đặng Văn T về cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

7.17. Bị cáo Nguyễn Thế P:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thế P 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/9/2022).

Giao bị cáo Nguyễn Thế P về cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

7.18. Bị cáo Bùi Xuân L:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Bùi Xuân L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/9/2022).

Giao bị cáo Bùi Xuân L về cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí hình sự phúc thẩm

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Hùng Đ, Nguyễn Ngọc D, Bò Văn Q, Nguyễn Minh T, Lâm Bá Khánh T và Lê Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Đoàn Văn T, Đoàn Công D, Lâm Thanh S, Trần Văn T, Đoàn Văn T, Huỳnh Văn C, Đặng Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Á, Nguyễn Thế P, Bùi Xuân L, Trang Thế D và Lê Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện P (20);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện P;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện P;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an huyện P;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo cư trú (19);
- Bị cáo (19);
- Tổ Hành chính Tư pháp (2);
- Lưu: hồ sơ vụ án, LTH, 67.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Quân Vương

